TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 151/2026/QĐST-HNGĐ	*Vĩnh Long, ngày 12 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – VĨNH LONG

Căn cứ vào Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 150/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2026, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị **Lê Thị M**, sinh ngày 20/8/2002.

Căn cước công dân số: 083.302.007.940 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/12/2021.

Địa chỉ: Số A, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Địa chỉ hiện nay: Số A, ấp A, xã B, tỉnh Vĩnh Long).

- Anh **Lê Hoàng N**, sinh ngày 11/02/2001.

Căn cước công dân: 083.201.004.245 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/5/2023.

Địa chỉ: Số B, ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Địa chỉ hiện nay: Số B, ấp P, xã G, tỉnh Vĩnh Long).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Lê Thị M và anh Lê Hoàng N kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là xã G, tỉnh Vĩnh Long) nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian sống chung do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh chị yêu cầu Toà án công nhận sự thuận tình ly hôn.

[2] Tại biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 03/3/2026 của chị M và anh N đã thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Lê Hoàng N thuận tình ly hôn. Chị M và anh N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

- Về con chung: Chị M và anh N có 01 con chung tên Lê Hoàng Mỹ A, sinh ngày 24/02/2023. Sau ly hôn, chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu A cho đến khi tròn 18 tuổi. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A

mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/4/2026 đến khi cháu A tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh N khai không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Các vấn đề khác: Không có.

- Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm chị M và anh N phải chịu là 300.000 đồng.

[3] Xét thấy, việc thuận tình ly hôn sự thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị M và anh Lê Hoàng N. Ghi nhận việc chị M và anh N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau ly hôn.

- Về con chung: Chị M và anh N có 01 con chung tên Lê Hoàng Mỹ A, sinh ngày 24/02/2023. Sau ly hôn, chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu A cho đến khi tròn 18 tuổi. Anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/4/2026 đến khi cháu A tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị M và anh N khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên ghi nhận.

- Về các vấn đề khác: Chị M và anh N khai không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên ghi nhận.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị M và anh Lê Hoàng N mỗi người phải chịu là 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001795 ngày 23/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Chị M và anh N đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 5 - Vĩnh Long ;
- Phòng THADS Khu vực 5 - Vĩnh Long;
- UBND xã Giao long, tỉnh Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Lê Thị Thúy Hằng